

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
Tiểu dự án 1 Dự án 3 năm 2021, 2022 và Kế hoạch triển khai năm 2023**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 363/BNN-KTHT ngày 18/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (viết tắt Tiểu dự án 1 Dự án 3 của Chương trình); UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3 NĂM 2022 VÀ NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Các Nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành

a) Trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 ban hành Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022.

b) UBND tỉnh ban hành các Quyết định:

- Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

- Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 về việc phân bổ vốn sự nghiệp Trung ương thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

1.2. Công tác quản lý, triển khai thực hiện

a) Về công tác tổ chức thực hiện:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025. UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia 2021-2025 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và chỉ đạo UBND cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia 2021-2025 trên địa bàn cấp xã.

Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo về Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng quy định để triển khai, thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn cho UBND cấp huyện chủ động, đề xuất triển khai cụ thể từng dự án, chính sách của Chương trình đến với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 của Chương trình.

b) Về hướng dẫn và công tác giám sát, đánh giá thực hiện:

UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn số 2915/HD-SNN ngày 28/10/2022 hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 35/KH-SNN ngày 10/11/2022 về kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Tiểu Dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.

Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện tại các địa phương đã được phân bổ kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3. Thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đã hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc, khó khăn cho các địa phương khi thực hiện các Dự án. Địa phương cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng.

1.3. Kết quả bố trí nguồn lực cho Tiểu dự án 1 Dự án 3 của Chương trình

Năm 2022 ngân sách Trung ương bố trí để thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 là 5.363 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 804,5 triệu đồng (chiếm 15% so với ngân sách Trung ương), nguồn huy động khác là 804,5 triệu đồng.

1.4. Vướng mắc, bất cập trong chính sách, tổ chức triển khai thực hiện, bố trí vốn thực hiện

Để thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình, tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định một số nội dung cụ thể như sau:

- Quy định điểm a, khoản 5, Điều 21 (hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị) và điểm a, khoản 5, Điều 22 (hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng): mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

- Quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 40: HĐND tỉnh ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.

- Quy định tại khoản 5, Điều 40: UBND tỉnh quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Trong khi đó, thời điểm giao vốn cho các sở, ngành, địa phương đầu quý IV

năm 2022, nên việc tổ chức thực hiện các nội dung theo đúng quy định chưa thực hiện được. Để triển khai thực hiện vốn năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 6162/UBND-TH ngày 24/10/2022 áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, theo đó, thực hiện mức hỗ trợ cho một dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp tạm thời theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2021 và năm 2022

2.1. Kết quả thực hiện

a) Nội dung hỗ trợ và cơ chế thực hiện hỗ trợ ở địa phương:

- Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Theo đó, định mức kinh tế kỹ thuật được thực hiện theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2023; Trường hợp các dự án có nội dung không được quy định trong Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 tạm thời áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong năm 2022 được UBND tỉnh tạm thời áp dụng theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh¹.

- Cơ chế thực hiện hỗ trợ: Thực hiện cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng được quy định tại Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Năm 2021, nguồn kinh phí Trung ương bổ sung dự toán năm 2021 phân bổ

¹ Văn bản số 6162/UBND-TH ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh.

thực hiện Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 thuộc Chương trình: 668 triệu đồng cho huyện Hoài Ân². Trong đó:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế 268 triệu đồng; kết quả: Dự án chăn nuôi bò cái giống (tổng kinh phí dự án 328 triệu đồng; kinh phí Trung ương là 268 triệu đồng, kinh phí đối ứng của hộ dân là 60 triệu đồng), số hộ hưởng lợi 24 hộ nghèo tại 03 xã Ân Nghĩa, Ân Hữu và Ân Hảo Tây thuộc huyện Hoài Ân (mỗi xã 08 hộ nghèo), hỗ trợ mỗi hộ 01 con bò cái giống.

+ Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo: 400 triệu. Kết quả: Dự án chăn nuôi bò cái giống (tổng kinh phí Dự án 513,6 triệu đồng, kinh phí trung ương là 400 triệu đồng, kinh phí đối ứng của hộ dân là 113,6 triệu đồng), số hộ hưởng lợi 37 hộ (35 hộ nghèo và 02 hộ cận nghèo tại 03 xã Ân Nghĩa, Ân Hữu và Ân Hảo Tây huyện Hoài Ân), hỗ trợ mỗi hộ 01 con bò cái giống.

- Năm 2022, vốn Trung ương phân bổ Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc Chương trình: 5.363 triệu đồng; phân bổ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tối đa không quá 2%) là 107 triệu đồng, phân bổ cho 11 huyện, thị xã, thành phố 5.256 triệu đồng³. Kết quả: chỉ có huyện Hoài Ân đã phê duyệt 12 dự án (gồm 04 dự án chăn nuôi bò cái giống, 04 dự án trồng bưởi da xanh, 02 dự án trồng dừa xiêm và 02 dự án trồng chuối) với tổng số hộ hưởng lợi 172 hộ, trong đó: 112 hộ nghèo, 54 hộ cận nghèo và 6 hộ thoát nghèo; đã giải ngân 10/12 dự án với tổng kinh phí 340,667 triệu đồng (đạt 6,35% so với kế hoạch vốn). Các đơn vị còn lại chưa giải ngân vốn.

c) Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi:

Các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân, cộng đồng và chính quyền các địa phương, nhất là các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất, đã tác động trực tiếp đến thu nhập của hộ nghèo, cận nghèo tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Nhiều nơi đã từng bước tiếp nhận được giống mới, kỹ thuật sản xuất mới, tiên tiến, thay thế dần các giống cũ, phương thức canh tác, nuôi trồng cũ nên năng suất cây trồng, vật nuôi tăng lên, tạo việc làm cho người nghèo, đời sống của người dân, nhất là người nghèo đã từng bước được cải thiện.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh là điều kiện tiên quyết giúp cho việc triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn. Bên

² Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

³ Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND tỉnh.

cạnh đó, từng cấp, ngành của tỉnh đã chủ động đề xuất, bố trí kinh phí đối ứng của địa phương với nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương nhằm đảm bảo quy định tỷ lệ vốn đối ứng trong việc thực hiện dự án, tiểu dự án của Chương trình.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án, chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn trong giai đoạn 2021-2025 được thực hiện tốt, để các tầng lớp nhân dân biết và thực hiện đầy đủ, đúng quy định về thực hiện dự án, chính sách giảm nghèo. Hầu hết người dân tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững, bản thân người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày càng có ý thức nỗ lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

b) Khó khăn:

Việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững muộn, giao vào thời điểm cuối năm.

Kinh phí hỗ trợ tối đa thực hiện một (01) dự án ở những địa bàn không phải địa bàn đặc biệt khó khăn và địa bàn khó khăn thấp, nên kinh phí đối ứng của các đối tượng khi tham gia dự án ở các địa bàn này cao, dẫn đến đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo ở những địa bàn này không có kinh phí để đối ứng khi muốn tham gia dự án.

Bên cạnh đó phải thực hiện quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁴.

3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Đây là năm đầu tiên thực hiện các dự án của Chương trình, bên cạnh quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn phải chờ sự hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung chi, định mức chi cho từng dự án, tiểu dự án khi thực hiện. Vì vậy tiến độ triển khai hoạt động của các dự án còn chậm, việc giải ngân kinh phí chưa đạt theo kế hoạch.

Việc tham mưu, đề xuất của các sở, ban, ngành cho UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể thực hiện dự án, tiểu dự án của Chương trình trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm.

Trách nhiệm trong phối hợp cung cấp thông tin, kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các địa phương cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án chưa kịp thời,

⁴ Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

đầy đủ đúng quy định.

3.3. Giải pháp và kiến nghị

a) Giải pháp:

- Trình HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương rà soát, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với các cây trồng, vật nuôi, thủy sản, diêm nghiệp trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thực tế của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương hỗ trợ, hướng dẫn các chủ trì liên kết, cộng đồng dân cư xây dựng dự án/kế hoạch/phương án sản xuất theo định hướng hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Tăng cường tổ chức giám sát, đánh giá; theo dõi, quản lý các nội dung, hoạt động của Tiểu dự án 1 Dự án 3 để kịp thời hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp với địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các địa phương huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho các đối tượng tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm góp phần giảm kinh phí đối ứng của các đối tượng khi tham gia dự án, giúp tăng khả năng tham gia dự án của các đối tượng hưởng lợi.

b) Kiến nghị:

Cấp ủy, chính quyền ở từng địa phương cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách triển khai trên địa bàn và đánh giá kết quả thực hiện theo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng thôn trong việc lựa chọn, đề xuất các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với nhu cầu thực tế của người dân, địa phương. Nguồn vốn hỗ trợ tập trung, không dàn trải và đảm bảo công khai, minh bạch.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TIỂU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3 NĂM 2023

1. Dự kiến kinh phí phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 năm 2023 là 15.837 triệu đồng (nguồn Trung ương: 13.772 triệu đồng; đối ứng của địa phương: 2.065 triệu đồng).

Phấn đấu năm 2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn.

2. Kế hoạch tổ chức triển khai xây dựng dự án

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phân bổ vốn sự nghiệp Trung ương thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc Chương trình (dựa trên các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương được quy định tại Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh) sau khi có quyết định phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- UBND cấp huyện dựa trên nguồn vốn được phân bổ tiến hành phân bổ cho các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhu cầu thực tế tại địa phương. Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án có tỷ lệ người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo cao theo đúng quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Kế hoạch tổ chức tập huấn, tư vấn

Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả. Hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn, tư vấn; xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

4. Giải pháp, cơ chế tổ chức thực hiện

Rà soát, tham mưu ban hành quy định của HĐND tỉnh về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Thực hiện quy định về cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 đảm bảo huy động được tối đa nguồn vốn ngoài nguồn ngân sách Nhà nước đã bố trí để thực hiện các chương trình, dự án.

Thực hiện quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình nhằm nâng cao trách nhiệm của đối tượng tham gia dự án trong việc quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của nhà nước và tăng số lượng đối tượng hưởng lợi được tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình Chính phủ tăng mức hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng kinh phí thực hiện cho một dự án từ vốn ngân sách nhà nước ở những địa bàn khác, ngoài địa bàn đặc biệt khó khăn và địa

bàn khó khăn.

- Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể những nội dung được phép chi từ vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án 1 Dự án 3 phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương (*“tối đa 2% cho các bộ, cơ quan trung ương”* quy định tại Điều 7 Chương II Quyết định 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025), để trên cơ sở đó, địa phương hướng dẫn những nội dung chi từ nguồn vốn này cho các sở, ban, ngành tại địa phương.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, LĐ - TBXH;
- CVP, PVPNN
- Lưu: VT, K10, K20.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh